TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH THỪA THIÊN H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 205/2020/QĐST-HNGĐ	*Thành phố H, ngày 22 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 181/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Nguyễn Duy K, sinh năm 1981; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Số 30 đường T (Thuộc tổ 16, khu vực 5), phường T1, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

2. Chị Hồ Thị Cẩm Tú , sinh năm 1990; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 30 đường T (Thuộc tổ 16, khu vực 5), phường T1, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H; chỗ ở hiện nay: Số 19 kiệt 70 đường M, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Duy K và Hồ Thị Cẩm T sau thời gian tìm hiểu được một năm, rồi đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình chấp nhận có tổ chức lễ hỏi, cưới theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H vào ngày 17/9/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại nhà cha mẹ của anh K ở số 30 đường T (Thuộc tổ 16, khu vực 5), phường T1, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H. Vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được vài năm, sau đó thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mẫu thuẫn anh K cho rằng tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống mỗi người trái ngược nhau, còn chị Tú lại trình bày do anh K có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau và không tìm được biện pháp gì khắc phục mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm

vợ chồng. Từ cuối năm 2019, chị T đã bỏ về nhà cha, mẹ của chị để ở. Từ đó, vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay Anh K và chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể khắc phục được, nên anh Nguyễn Duy K và chị Hồ Thị Cẩm T cùng gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh Nguyễn Duy K và chị Hồ Thị Cẩm T được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Duy K và chị Hồ Thị Cẩm T có 01 con chung là cháu Nguyễn Hồ Bảo N, sinh ngày 19/6/2012. Hiện nay, cháu N đang do anh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Nay thuận tình ly hôn, anh Nguyễn Duy K và chị Hồ Thị Cẩm T thỏa thuận như sau: Giao cháu Nguyễn Hồ Bảo N cho anh Khánh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Duy K không yêu cầu chị Hồ Thị Cẩm T cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nên Tòa án không xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Duy K và chị Hồ Thị Cẩm T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Duy K và chị Hồ Thị Cẩm T, mỗi người phải chịu 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh K và chị T đã nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/009754 ngày 28/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H. Anh Nguyễn Duy K và chị Hồ Thị Cẩm T đã nộp đủ, nay không phải nộp.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (Ngày 14/5/2020), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Duy K và chị Hồ Thị Cẩm T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hồ Bảo N, sinh ngày 19/6/2012 cho anh Nguyễn Duy K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Duy K không yêu cầu chị Hồ Thị Cẩm T cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nên Tòa án không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Duy K và chị Hồ Thị Cẩm T không có tài sản chung, nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Duy K và chị Hồ Thị Cẩm T, mỗi người

phải chịu 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh Kh và chị T đã nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/009754 ngày 28/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H. Anh Nguyễn Duy K và chị Hồ Thị Cẩm T đã nộp đủ, nay không phải nộp.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thừa Thiên H;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- UBND phường Thủy Xuân, thành phố H;
(Anh K và chị T ĐKKH số 68/2011, quyển số 01/2011, ngày 17/9/2011);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự;
- Lưu dán án.

THẨM PHÁN

Huỳnh Trọng C